

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

DANH MỤC CÁC BẢNG

| | |
|--|------------|
| MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ THỰC THI QUYỀN SHTT ĐỐI VỚI KDCN VÀ CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ THỰC THI QUYỀN ĐỐI VỚI KDCN | 9 |
| 1.1 Những vấn đề lý luận cơ bản về thực thi quyền SHTT đối với KDCN. | 9 |
| 1.2. Một số quy định của Pháp luật quốc tế về thực thi quyền SHTT đối với KDCN..... | 22 |
| CHƯƠNG 2: PHÁP LUẬT CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VỀ THỰC THI QUYỀN SHTT ĐỐI VỚI KDCN VÀ NHỮNG KINH NGHIỆM RÚT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM | 46 |
| 2.1. Pháp luật của một số nước trên thế giới về thực thi quyền SHTT đối với KDCN..... | 46 |
| 2.2. Những kinh nghiệm rút ra đối với Việt Nam..... | 57 |
| 2.3. Khả năng áp dụng kinh nghiệm quốc tế của Việt Nam..... | 59 |
| 2.4 Một số bài học rút ra đối với Việt Nam trong quá trình xây dựng hệ thống pháp luật và thực thi quyền SHTT..... | 60 |
| CHƯƠNG 3: CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ THỰC THI QUYỀN SHTT ĐỐI VỚI KDCN, PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN VÀ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI QUYỀN | 65 |
| 3.1. Các quy định của pháp luật Việt Nam về thực thi quyền SHTT đối với KDCN..... | 65 |
| 3.2. Thực tiễn hoạt động thực thi quyền SHTT đối với KDCN ở Việt Nam những năm qua: | 71 |
| 3.3. Phương hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thực thi quyền SHTT đối với KDCN và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi quyền SHTT..... | 96 |
| KẾT LUẬN | 117 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | 119 |

MỞ ĐẦU

Hoạt động xác lập quyền và thực thi quyền đối với các đối tượng của Sở hữu công nghiệp nói chung, cũng như hoạt động thực thi quyền SHTT đối với KDCN nói riêng, đang trở thành một vấn đề cấp thiết và nhận được rất nhiều sự quan tâm của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan, các cơ quan báo chí, người tiêu dùng, các cơ quan bảo vệ người tiêu dùng, và đặc biệt là các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thuộc đối tượng bảo hộ KDCN.

Hiện nay tình trạng sản xuất hàng hóa giả mạo, đặc biệt là những sản phẩm vi phạm quy định đối với KDCN đã được bảo hộ ngày càng trở nên phổ biến, thậm chí các hành vi xâm phạm ngày càng tinh vi, khó phát hiện và đánh giá. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, bên cạnh những nhà sản xuất, những người luôn quan tâm đến việc đầu tư cho tài sản trí tuệ, nghiên cứu sáng tạo những sản phẩm mới..., vẫn còn không ít những người chỉ chờ đợi việc người khác nghiên cứu ra sản phẩm mới rồi bắt trước theo đó để kiếm lợi nhuận. Hành động này vi phạm pháp luật, phải có những biện pháp, cơ chế rõ ràng hơn để chấm dứt hiện tượng này, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ các bằng độc quyền KDCN, nhằm bảo hộ và khuyến khích sáng tạo từ các đối tượng này. Mặt khác tạo ra một môi trường pháp lý lành mạnh cho việc phát triển hoạt động Sở hữu trí tuệ tại Việt Nam, phù hợp với các cam kết quốc tế Việt Nam là thành viên.

Thực tiễn giải quyết việc xâm phạm đối với KDCN đã cho thấy, khung pháp lý so với thực tiễn triển khai còn có nhiều cách hiểu, cách tiến hành khác nhau. Mặt khác những cơ quan, đơn vị có chức năng thực thi quyền khi triển khai thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, bối rối và do vậy kết quả không thống nhất, khó thực thi trên thực tế và chưa hiệu quả. Do vậy, đề tài nghiên cứu sẽ góp phần vào việc xử lý những điểm bất cập này.

Trong xu thế phát triển và hội nhập với thế giới, Việt Nam không thể đứng ngoài sự phát triển đó. Việt Nam đã tham gia ký kết nhiều các điều ước quốc tế về quyền Sở hữu Trí tuệ. Tuy nhiên hoạt động thực thi những quyền này còn phụ thuộc nhiều vào pháp luật quốc gia cũng như các yếu tố bản địa.

Đề tài nghiên cứu sẽ tập trung vào việc phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về thực thi quyền và cơ chế thực thi quyền đối với KDCN trên thực tế, những tồn tại và biện pháp khắc phục vấn đề này, phân những kinh nghiệm từ các quy định cũng như cơ chế thực thi quyền

đối với KDCN ở một số quốc gia trên thế giới như Pháp, Liên minh Châu Âu và Singapore.

- Đối tượng nghiên cứu:

Luận văn nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam về thực thi quyền SHTT đối với KDCN, thực trạng thực thi quyền SHTT đối với KDCN tại Việt Nam, những khó khăn và giải pháp. Luận văn cũng nghiên cứu quy định của Pháp luật quốc tế và kinh nghiệm từ một số nước trên thế giới về thực thi quyền SHTT nói chung và thực thi quyền đối với KDCN nói riêng.

- Những đóng góp mới của Luận văn:

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, Luận văn là tài liệu đầu tiên nghiên cứu chuyên sâu về thực thi quyền SHTT đối với KDCN tại Việt Nam, Luận văn làm sáng tỏ về mặt lý luận những quy định pháp luật của Việt Nam về thực thi quyền đối với KDCN; đánh giá thực trạng thực thi quyền thông qua hoạt động của các cơ quan thực thi quyền SHTT đối với KDCN, từ đó cho thấy được vai trò của các cơ quan này trong quá trình hoàn thiện cơ chế đảm bảo thực thi quyền hiệu quả; Đề xuất một số kiến nghị và giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về thực thi quyền SHTT tại Việt Nam và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi quyền SHTT nói chung và quyền đối với KDCN nói riêng.

Ngoài phần lời nói đầu, kết luận, danh mục tham khảo, nội dung Luận văn bao gồm có ba chương:

CHƯƠNG 1

Những vấn đề lý luận cơ bản về thực thi quyền SHTT đối với KDCN và các quy định của pháp luật quốc tế về thực thi quyền đối với KDCN.

CHƯƠNG 2

Pháp luật của một số nước trên thế giới về thực thi quyền SHTT đối với KDCN và những kinh nghiệm rút ra đối với Việt Nam.

CHƯƠNG 3

Các quy định của pháp luật Việt Nam về thực thi quyền SHTT đối với KDCN, phương hướng hoàn thiện và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi quyền.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ THỰC THI QUYỀN SHTT ĐỐI VỚI KDCN VÀ CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ THỰC THI QUYỀN ĐỐI VỚI KDCN.

1.1 Những vấn đề lý luận cơ bản về thực thi quyền SHTT đối với KDCN.

1.1.1 Quyền SHTT và thực thi quyền SHTT.

1.1.1.1 Quyền Sở hữu Trí tuệ:

Quyền sở hữu trí tuệ là tập hợp các quy phạm pháp luật được ban hành nhằm xác lập, ghi nhận, củng cố và bảo vệ các quan hệ sở hữu trí tuệ trong xã hội. Theo từ điển tiếng Việt năm 2008, khái niệm quyền sở hữu trí tuệ được hiểu là “quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ” [38, tr.1076]. Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam năm 2005 quy định rằng quyền sở hữu trí tuệ là “quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng” (Điều 4, khoản 1 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005).

1.1.1.2 Thực thi quyền SHTT:

Thực thi theo định nghĩa của Đại từ điển tiếng Việt là “Thi hành, thực thi nhiệm vụ” [11, tr. 1556], theo định nghĩa này, Thực thi một mặt là việc Nhà nước, các cơ quan, tổ chức, cá nhân, nhân danh quyền lực Nhà nước để thi hành một nhiệm vụ, làm một công việc theo yêu cầu, theo chỉ định, theo nhiệm vụ đã được đề ra để nhằm đảm bảo việc thi hành quyền SHTT. Mặt khác thực thi là việc các chủ thể quyền SHTT cũng là đối tượng tham gia tích cực vào việc tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, pháp luật trao cho họ các quyền năng, đặt gánh nặng về tự bảo vệ lên vai họ, do vậy Chủ sở hữu quyền có thể yêu cầu các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bảo vệ tài sản trí tuệ của mình. Các cá nhân, tổ chức, hiệp hội, toàn thể xã hội cũng tham gia tích cực vào việc góp phần thực thi quyền SHTT, bởi vai trò của những cá nhân, tổ chức này là tôn trọng pháp luật, tôn trọng và không xâm phạm tới quyền của những chủ thể khác đã được bảo hộ theo quy định của Pháp luật, đó cũng chính là việc các chủ thể này đang góp sức mình vào việc đảm bảo thực thi quyền SHTT.

Luật SHTT năm 2005 với các quy định về “Bảo vệ quyền SHTT” đã quy định theo hướng, đề cao trách nhiệm của Chủ thể quyền, tăng tính dân sự trong hoạt động thực thi. Tăng cường các biện pháp đảm bảo việc thực thi được thực hiện, giảm sự can thiệp trực tiếp của cơ quan hành chính, mức hình phạt đối với các hành vi vi phạm quyền SHTT mang tính răn đe hơn.

1.1.1.3 Vai trò của các chủ thể trong việc Thực thi quyền SHTT theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

Thứ nhất: Hoạt động thực thi của Chủ sở hữu quyền: Để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT), Chủ thể quyền có thể thực hiện quyền tự bảo vệ hoặc yêu cầu các cơ quan thực thi xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT bằng các biện pháp dân sự, hành chính hoặc hình sự, hoặc yêu cầu áp dụng biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất, nhập khẩu để phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi xuất, nhập khẩu hàng hoá xâm phạm quyền.

Thứ hai: Hoạt động thực thi quyền của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền: Với vai trò là các cơ quan đảm bảo việc bảo vệ, xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT, hệ thống các cơ quan công quyền này bao gồm: Cơ quan Toà Án, Công an kinh tế, Thanh tra khoa học công nghệ, Lực lượng Quản lý thị trường, Ủy ban nhân dân các cấp và Cơ quan Hải quan.

Thứ ba: Hoạt động thực thi quyền của xã hội (Tổ chức và cá nhân khác).

Cơ quan Giám định về sở hữu trí tuệ là tổ chức đưa ra các quyết định giám định chuyên môn về SHTT. Để xác định một hành vi có bị coi là xâm phạm quyền SHTT của người khác hay không, các cơ quan Nhà nước, các chủ thể quyền, các bên thứ ba khác có thể yêu cầu trung cầu giám định, kết luận của cơ quan Giám định sẽ được coi là căn cứ để xác định hành vi xâm phạm.

Hoạt động của Cơ quan quản lý nhà nước về SHTT. Việc cung cấp ý kiến chuyên môn tương tự như giám định SHTT nhưng được thực hiện bởi cơ quan xác lập quyền và chỉ có cơ quan thực thi như Toà Án, Hải quan, Thanh tra, Công an... mới có quyền được lấy ý kiến chuyên môn của các cơ quan này.

Hoạt động của Đại diện SHTT, hoạt động này là một dịch vụ do tổ chức, hoặc cá nhân thực hiện nhằm đại diện cho chủ thể quyền, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chủ thể quyền SHTT và có trách nhiệm cung cấp chứng cứ chứng minh hoặc các thông tin về hành vi xâm phạm quyền SHTT chủ thể quyền mà mình đang là đại diện, có trách nhiệm giải trình làm rõ các nội dung liên quan đến yêu cầu xử lý trước các cơ quan thực thi.

Bên cạnh các cơ quan, tổ chức chuyên môn về SHTT, thì việc mỗi tổ chức, cá nhân trong xã hội hiểu biết và tuân thủ Pháp luật về SHTT cũng sẽ là cơ sở là nền tảng cho việc đảm bảo thực thi quyền SHTT trên thực tế.

1.1.2 Phân biệt các khái niệm bảo hộ, bảo vệ và thực thi quyền SHTT.

Bảo hộ được hiểu là “che chở, không để bị tổn thất” [38, tr. 49]. Như vậy, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ sẽ là những hành động mang tính

chất che chở quyền sở hữu trí tuệ nhằm không để xảy ra tổn thất về cả tinh thần và vật chất. Bên cạnh thuật ngữ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, chúng ta cũng thường gặp cụm từ “bảo vệ quyền sở hữu”. “Bảo vệ” là “chống lại mọi sự huỷ hoại, xâm phạm để giữ cho được nguyên vẹn” [38, tr. 50]. Như vậy, về nghĩa, “bảo vệ” cũng tương đương với “bảo hộ” nhưng từ “bảo hộ” thường hay được hiểu là hoạt động của nhà nước trong khi “bảo vệ” có thể là hoạt động của bất cứ chủ thể nào. Do đó, hiểu theo nghĩa hẹp thì bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là “việc nhà nước - thông qua hệ thống pháp luật - xác lập quyền của các chủ thể đối với đối tượng sở hữu trí tuệ tương ứng và bảo vệ quyền đó, chống lại bất kỳ sự vi phạm nào của bên thứ ba” [34, tr. 20]. Hiểu theo nghĩa rộng thì bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là hoạt động bảo hộ của nhà nước, của chính chủ sở hữu và của toàn thể xã hội hướng tới việc bảo đảm quyền sở hữu hợp pháp của chủ sở hữu đối với tài sản trí tuệ của mình [01, tr. 62].

Thực thi quyền SHTT có nghĩa là việc các chủ thể sử dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ các quyền của chủ sở hữu và ngăn chặn, xử lý người khác sử dụng, khai thác trái phép các đối tượng của quyền SHTT đang được bảo hộ, yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu hành vi xâm phạm đó gây ra thiệt hại cho chủ thể quyền. Thực hiện các biện pháp này bao gồm sự tham gia của các Chủ thể quyền, sự tham gia của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền như: Toà án, Công an, Thanh tra, Quản lý thị trường, Hải quan, Uỷ ban nhân dân các cấp và sự tham gia đảm bảo thực thi của các cơ quan hỗ trợ như Cơ quan giám định, cơ quan đại diện SHTT và sự tôn trọng, tuân thủ pháp luật SHTT của toàn thể xã hội.

1.1.3 Sự cần thiết của hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam.

Trong 5 năm, từ khi trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Việt Nam đã nghiêm túc thực hiện các cam kết khi gia nhập, trong đó có việc thực hiện đầy đủ các cam kết về SHTT, trong đó có hoạt động thực thi quyền SHTT nói chung và quyền SHTT đối với KDCN nói riêng. Theo đó, hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ của Việt Nam đã được hoàn thiện theo hướng tiệm cận dần đến các nguyên tắc và quy định của các tổ chức quốc tế mà Việt Nam tham gia. Hiện nay, Việt Nam đã là thành viên của các Điều ước quan trọng như Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp, Thỏa ước Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá, Hiệp ước hợp tác sáng chế, Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn hóa nghệ thuật... và đặc biệt là Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) của WTO.

1.2. Một số quy định của Pháp luật quốc tế về thực thi quyền SHTT đối với KDCN.

1.2.1. Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền Sở hữu Trí tuệ (Agreement on Trade – Related Aspects of Intellectual Property Rights – TRIPS)

1.2.1.1. Tổng quan về Hiệp định TRIPS.

Ngày 15 tháng 12 năm 1993, các cuộc đàm phán thương mại đa phương tại vòng đàm phán Uruguay trong khuôn khổ Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại GATT đã được ký kết. Thoả thuận ghi nhận kết quả của những cuộc đàm phán trên là Thoả thuận thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO đã được thông qua vào ngày 15 tháng 4 năm 1994 tại Marrakesh.

1.2.1.2. Bảo hộ quyền SHTT đối với KDCN theo quy định của TRIPS:

Đối với kiểu dáng công nghiệp, các quốc gia thành viên có thể quy định không áp dụng việc bảo hộ cho các kiểu dáng mà hình dáng chủ yếu của nó là do các đặc tính kỹ thuật và chức năng quyết định. Các nước thành viên cũng được tự do bảo hộ kiểu dáng công nghiệp thông qua luật bản quyền hoặc luật riêng. Tuy nhiên, trong quá trình thẩm định tính mới, tính sáng tạo đối với các kiểu dáng hàng dệt may, các quốc gia phải có những quy định pháp luật hợp lý, tránh làm cho thủ tục đề nghị đăng ký bảo hộ quá tốn kém, phức tạp, không làm mất cơ hội tìm kiếm và đạt được sự bảo hộ đó. Thời hạn bảo hộ quy định tối thiểu là 10 năm.

Với những yêu cầu của TRIPS đối với việc bảo hộ KDCN, Luật SHTT của Việt Nam cũng đã có những quy định phù hợp với những tiêu chí này, như việc áp dụng các tiêu chuẩn bảo hộ KDCN ở Việt Nam theo điều 69 Luật SHTT. Thời hạn bảo hộ một KDCN tại Việt Nam cũng được quy định tối đa là 15 năm (tùy thuộc vào yêu cầu xin gia hạn của chủ sở hữu).

1.2.1.3. Thực thi quyền SHTT đối với KDCN theo quy định của TRIPS

TRIPS là hiệp định về các khía cạnh liên quan tới quyền Sở hữu trí tuệ, tuy nhiên để việc khai thác các quyền thương mại đối với tài sản trí tuệ của chủ sở hữu, thì một điều quan trọng mà các quốc gia thành viên cần quan tâm là đảm bảo việc thực thi quyền có hiệu quả quyền SHTT nói chung và quyền đối với KDCN nói riêng.

TRIPS quy định các thành viên phải có nghĩa vụ chung “Các Thành viên phải bảo đảm rằng thủ tục thực thi quyền xác định cụ thể tại Phần này được quy định trong luật của mình để cho phép việc khiếu kiện hữu hiệu chống lại bất kỳ hành vi xâm phạm nào đối với quyền sở hữu trí tuệ được đề cập đến trong Thoả thuận này, bao gồm những chế tài kịp thời để ngăn chặn vi phạm và những chế tài có tác dụng răn đe đối với những

vi phạm tiếp theo. Các thủ tục đó phải được áp dụng theo cách tránh tạo ra hàng rào cản trở hoạt động thương mại hợp pháp và quy định các bảo hiểm chống lại sự lạm dụng các thủ tục đó. Các thủ tục liên quan đến việc thực thi các quyền sở hữu trí tuệ phải bình đẳng và công bằng.

Hiệp định TRIPS quy định về thực thi quyền SHTT thông qua các thủ tục và các biện pháp, chế tài dân sự, hành chính, thủ kiểm soát biên giới và thủ tục hình sự, nhằm đưa ra các biện pháp hiệu quả đảm bảo thực thi quyền SHTT.

1.2.2. Hiệp định thương mại Việt – Mỹ (BTA).

1.2.2.1. Tổng quan về Hiệp định thương mại Việt – Mỹ

Ngày 14/7/2000, Việt Nam và Hoa Kỳ đã ký hiệp định thương mại Việt – Mỹ, (gọi tắt là Hiệp định BTA. Hiệp định BTA này đề cập đến nhiều khía cạnh của hoạt động thương mại, Sở hữu trí tuệ và đầu tư. Sở hữu trí tuệ được quy định tại Chương 2 với 18 điều, từ điều 1 đến điều 18, trong đó nêu lên các quy tắc chung cho việc áp dụng Hiệp định đối với hai quốc gia, phần quy định về các đối tượng của quyền SHTT, đặc biệt là phần các quy định về thực thi quyền SHTT từ điều 11 đến điều 18 của Chương 2 Hiệp định [17].

1.2.2.2. Bảo hộ và thực thi quyền SHTT đối với KDCN theo quy định của Hiệp định thương mại Việt – Mỹ

Điểm quan trọng nhất của Hiệp định BTA, là việc Hiệp định này đã quy định chi tiết các tiêu chuẩn bảo hộ tối thiểu đối với các đối tượng của quyền SHTT trong đó có các quy định đối với KDCN, và phương pháp thực thi quyền SHTT. Nhìn chung các quy định về bảo hộ quyền SHTT nói chung trong đó có KDCN của Việt đã tương đối phù hợp và tương đồng với các tiêu chuẩn tối thiểu này, trong đó các quy định về thực thi quyền SHTT của Việt Nam qua nhiều năm xây dựng và phát triển cũng đã khá đầy đủ, tuy nhiên cũng cần phải xem xét và bổ sung thêm một số các quy định mới để có những chế tài kịp thời, đủ mạnh và hợp lý để đảm bảo việc thực thi quyền được hiệu quả, công bằng tránh tình trạng xâm phạm quyền khá phổ biến như hiện nay. Ví dụ: theo quy định của Hiệp định BTA, chúng ta phải quy định chi tiết các thủ tục tố tụng để đảm bảo quyền của chủ sở hữu đối tượng SHTT trong đó có KDCN, bao gồm quyền yêu cầu Toà án ra lệnh bị đơn phải cung cấp đầy đủ những chứng cứ, hoặc quyền ra bản án mà không cần nguyên đơn cung cấp đầy đủ chứng cứ nếu bị đơn cố tình không cung cấp đủ chứng cứ theo yêu cầu của Toà, quyền áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời mà không cần khởi kiện, quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại. Việc bồi thường thiệt hại có thể không bắt buộc phải tính toán chính xác trong một số trường hợp xâm phạm mà khó

xác định giá trị. Hàng hoá xâm phạm là hàng giả thì phải bắt buộc tịch thu tiêu huỷ. Việc áp dụng quy định “Loại bỏ yếu tố xâm phạm” đối với hàng giả chỉ được áp dụng trong một số trường hợp đặc biệt.

Hiệp định cũng quy định một số ngoại lệ, trong trường hợp một số đối tượng sử dụng các đối tượng quyền SHTT để học tập nghiên cứu mà không nhằm mục đích thương mại vụ lợi, và không ảnh hưởng đến quyền của chủ sở hữu thì không cần xin phép chủ sở hữu, tác giả mà không bị coi là hành vi xâm phạm quyền [17].

1.2.2.3. Các biện Pháp thực thi quyền SHTT đối với KDCN theo quy định của Hiệp định BTA.

Hiệp định BTA đưa ra một số các biện pháp để đảm bảo thực thi quyền SHTT bao gồm:

Thủ tục và chế tài trong tố tụng dân sự và hành chính (Điều 12, chương 2) [17], theo đó các bên có quyền tham gia các thủ tục tố tụng dân sự để thực thi các quyền SHTT, bị đơn trong thủ tục tố tụng dân sự có quyền được thông báo bằng văn bản về các khiếu kiện và cơ sở của những khiếu kiện đó, để đảm bảo việc tham gia kịp thời vào các thủ tục tố tụng dân sự nhằm bảo vệ quyền lợi của mình.

Thực thi bằng biện pháp tố tụng dân sự và hành chính cũng quy định các biện pháp đảm bảo thực thi như buộc chấm dứt hành vi vi phạm, buộc bồi thường thiệt hại, buộc bên gây thiệt hại phải trả các chi phí cho việc tố tụng bao gồm cả chi phí hợp lý cho việc thuê luật sư, trường hợp các bên lạm dụng các biện pháp thực thi mà gây thiệt hại thì cũng phải thực hiện các khoản bồi thường tương ứng. Trường hợp nếu các thiệt hại không thể tính toán được một cách chi tiết thì cơ quan có thẩm quyền có thể ấn định một mức phạt hợp lý đối với từng vụ việc cụ thể.

Thực thi bằng các thủ tục tố tụng Hình sự và Hình phạt (Điều 14, chương 2) [17], cũng tương tự như TRIPS, Hiệp định thương mại Việt – Mỹ cũng coi những hành vi xâm phạm quyền đối với Nhãn hiệu và bản quyền tác giả trong trường hợp cố ý làm giả nhãn hiệu và xâm phạm quyền tác giả vì mục đích thương mại.

Thực thi bằng biện pháp “Thực thi quyền SHTT tại biên giới”. Hiệp định quy định về biện pháp đình chỉ thông quan (tạm dừng thủ tục hải quan) đối với hàng hoá, bao gồm cả hàng hoá nhập khẩu và xuất khẩu, khi có căn cứ cho rằng các hàng hoá này xâm phạm quyền SHTT [17]. Không áp dụng biện pháp này đối với hàng hoá quá cảnh.

Hiệp định cũng đưa ra quy định về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại cho người nhập khẩu và chủ hàng nếu việc tạm dừng hải quan là không có căn cứ và làm thiệt hại đến quyền lợi của người nhập khẩu hoặc chủ hàng.

Kiểm tra thu thập chứng cứ và được cung cấp thông tin. Hiệp định cũng quy định thẩm quyền cho phép chủ thể quyền yêu cầu tiến hành kiểm tra lô hàng bị ngăn giữ để chứng minh xâm phạm (với điều kiện phải bảo mật thông tin) và tương tự như vậy, bên bị đơn cũng được trao một quyền tương đương để xác minh không xâm phạm [17].

Về hướng xử lý đối với hàng hoá xâm phạm, hàng hoá giả mạo Hải quan có quyền ra lệnh tiêu huỷ hoặc xử lý hàng hoá tuân theo yêu cầu chung. Hiệp định quy định về trường hợp miễn kiểm soát đối với các lô hàng phi thương mại với số lượng nhỏ hoặc hàng gửi với số lượng nhỏ.

1.2.3 Hiệp định giữa Nhật Bản và Việt Nam về đối tác kinh tế.

1.2.3.1. Tổng quan về hiệp định Nhật Bản và Việt Nam về đối tác kinh tế

Tháng 12 năm 2005 lễ ký kết Hiệp định đã diễn ra tại thành phố Tokyo Nhật Bản giữa Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và Thương mại (Việt Nam) Vũ Huy Hoàng và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao (Nhật Bản) Nakasone Hirofumi. Đây là một hiệp định đối tác kinh tế toàn diện, bởi vậy Hiệp định không đơn thuần là một hiệp định thương mại tự do, nên ngoài các quy định về hàng hóa, còn có dịch vụ cũng sẽ được tự do hóa, đầu tư của nước này vào nước kia sẽ được bảo hộ, Hiệp định đã giành chương 9 để quy định về hợp tác trong lĩnh vực SHTT, gồm các điều từ điều 80 đến điều 97, trong đó có các quy định về bảo hộ và thực thi quyền SHTT đối với KDCN, ngoài ra còn một số nội dung hợp tác kinh tế khác giữa hai quốc gia Nhật Bản và Việt Nam [16].

1.2.3.2. Bảo hộ quyền SHTT đối với KDCN theo quy định của Hiệp định

Đối với KDCN, Hiệp định quy định: Mỗi bên đảm bảo sự bảo hộ đầy đủ và có hiệu quả đối với KDCN phù hợp với điều 25 và 26 của Hiệp định TRIPS. Như vậy những tiêu chuẩn chung của tổ chức WTO cũng đã được các bên coi là căn cứ và áp dụng trong Hiệp định song phương này, điều này một mặt thể hiện sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật quốc tế cũng như tuân thủ các cam kết khi gia nhập WTO của các bên, mặt khác thể hiện phù hợp của các quy định của TRIPS đối với thực tiễn thực thi quyền SHTT ở các quốc gia thành viên [15].

1.2.3.3. Thực thi quyền SHTT đối với KDCN theo quy định của Hiệp định Nhật Bản và Việt Nam về đối tác kinh tế.

Thực thi bằng các biện pháp kiểm soát tại Biên giới, để quy định về các biện pháp thực thi kiểm soát tại biên giới Hiệp định lại viện dẫn đến các điều luật từ điều số 51 đến điều 60 của Hiệp định TRIPS để làm căn cứ cho các bên thực hiện. Điều này tiếp tục khẳng định vai trò to lớn, căn cứ pháp lý vững chắc của TRIPS đối với việc bảo hộ và thực thi quyền

SHTT ở các nước thành viên, nhằm tạo ra một khung pháp lý chung, thống nhất cho mọi nước thành viên.

Thực thi bằng các chế tài dân sự, Hiệp định không nêu chi tiết những nội dung hoặc những tiêu chí cho việc hợp tác giữa hai quốc gia trong việc thực thi quyền SHTT đối với KDCN bằng biện pháp dân sự, mà Hiệp định chỉ nêu ra những điểm chung, mang tính chất nguyên tắc để các bên căn cứ vào đó, áp dụng vào thực tiễn pháp luật của nước mình dựa trên Nguyên tắc đối xử quốc gia và Nguyên tắc tối huệ quốc để đảm bảo việc thực thi quyền SHTT đối với KDCN của các bên.

Hiệp định quy định mỗi bên phải đảm bảo rằng, chủ thể của quyền SHTT có quyền yêu cầu người xâm phạm phải thực hiện việc bồi thường đầy đủ các thiệt hại mà chủ sở hữu quyền đã phải gánh chịu do những hành vi xâm phạm quyền kia gây ra, khi những người xâm phạm biết rõ hoặc có điều kiện để nhận biết về hành vi xâm phạm quyền của mình. Trong trường hợp do đặc thù của lĩnh vực này mà các thiệt hại khó chứng minh thì, khi hành vi xâm phạm quyền diễn ra, theo yêu cầu của bên bị thiệt hại, cơ quan tư pháp sẽ ấn định một mức phạt hợp lý dựa trên toàn bộ các chứng cứ chứng minh được cung cấp và dựa trên thiệt hại kinh tế thực tế phải gánh chịu. Hiệp định cũng cho phép các chủ thể quyền được chủ động thực hiện các hành động, sử dụng các biện pháp thực thi để nhằm bảo vệ và ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền, yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với các trường hợp xâm phạm quyền, yêu cầu bồi thường thiệt hại và loại bỏ các hàng hoá xâm phạm ra khỏi thị trường tiêu thụ.

Thực thi bằng biện pháp hình sự, Hiệp định cũng nêu lên các căn cứ để đảm bảo thực thi quyền SHTT bằng biện pháp hình sự, theo đó Hiệp định viện dẫn quy định tại điều 61 của Hiệp định TRIPS làm căn cứ cho việc thực thi quyền SHTT bằng biện pháp hình sự. Tuy nhiên, theo điều 61 của Hiệp định TRIPS thì chỉ có hành vi “trong các trường hợp cố ý làm hàng giả nhãn hiệu hàng hoá hoặc vi phạm bản quyền với quy mô thương mại” [15].

CHƯƠNG 2

PHÁP LUẬT CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VỀ THỰC THI QUYỀN SHTT ĐỐI VỚI KDCN VÀ NHỮNG KINH NGHIỆM RÚT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM

2.1 Pháp luật của một số nước trên thế giới về thực thi quyền SHTT đối với KDCN

2.1.1 Pháp luật và kinh nghiệm của Singapore về thực thi quyền SHTT đối với KDCN.

2.1.1.1 Chính sách thực thi và giáo dục về SHTT và cách tiếp cận của Singapore:

Chính sách thực thi và giáo dục về SHTT của Singapore, ở đó vai trò của các nhà hoạch định chính sách có nhiệm vụ tổng quát là xây dựng pháp luật, các chương trình phản ánh các giá trị của xã hội, khuyến khích, xác lập các ranh giới đối với hành vi có thể chấp nhận được. Nhiệm vụ liên quan đến SHTT, bảo đảm cân bằng giữa các quyền thương mại tư nhân và sự tiếp cận của công chúng, quyết định cuối cùng về các hành vi mà Nhà Nước muốn hình sự hoá và cách thức thực hiện, cân bằng giữa các hoạt động thực thi với giáo dục và tăng cường nhận thức một cách hiệu quả.

2.1.1.2 Hệ thống thực thi SHTT của Singapore được xây dựng theo hướng tiếp cận đa bộ ngành, bao gồm các cơ quan:

Đối với Singapore, Nhà nước chủ trương xây dựng hệ thống pháp luật về thực thi quyền SHTT theo hướng tiếp cận đa bộ ngành, trong từng bộ ngành này sẽ quy định rõ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, nhằm tạo hiệu quả phối hợp thực thi quyền, tránh tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ hoặc tạo ra lỗ hổng về thực thi, khiến các cơ quan đùn đẩy trách nhiệm, từ đó mang lại hiệu quả thực thi một cách rõ rệt.

2.1.1.3 Tăng cường pháp luật về SHTT

Chế độ SHTT của Singapore, theo đó quyền SHTT được bảo hộ bởi các đạo luật và các án lệ, bao gồm các đặc điểm cơ bản: Phù hợp với các tiêu chuẩn của các điều ước quốc tế mà Singapore là thành viên; Các quyền có thể được đăng ký đơn giản bằng cách thông qua các cổng điện tử; các chế tài dân sự và hình sự hợp lý áp dụng đối với việc vi phạm phù hợp với các tiêu chuẩn mới nhất (ví dụ: những thiệt hại theo luật định vốn không thể định lượng một cách chính xác).

Nhận định về việc thực thi và hiệu quả thực thi quyền SHTT, Singapore cho rằng: nếu chỉ trông cậy vào việc thực thi có lẽ không phải là giải pháp hợp lý nhất, bởi trên thực tế, việc khám xét và tịch thu có thể ảnh hưởng xấu đến mối quan hệ kinh doanh tiềm năng của các bên, trong khi đó các hành vi xâm phạm quyền vẫn có dấu hiệu gia tăng trong tương lai, đặc biệt là trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang trong thời kỳ suy thoái. Do vậy, giải pháp là phải tăng cường nhận thức và giáo dục về SHTT;

2.1.1.4 Những thách thức về thực thi và kinh nghiệm của Singapore.

Khía cạnh quốc tế của thực thi quyền SHTT, theo đó ngay cả đối với hệ thống pháp luật mạnh và nguồn lực phong phú, thì việc đấu tranh

chống tội phạm về xâm phạm quyền SHTT cũng không phải dễ dàng bởi, loại tội phạm này luôn hoạt động có tính chất liên quốc gia, còn đối với cơ quan thực thi ở trong nước thì sự phân công vai trò và trách nhiệm giữa các cơ quan trong một số trường hợp còn có sự không rõ ràng, hoặc đùn đẩy trách nhiệm, dẫn đến việc chồng lấn hoặc lảng tránh trách nhiệm, hơn nữa ở Singapore, đấu tranh chống hàng giả cũng không phải luôn là ưu tiên của Chính phủ và cũng không phải là hoạt động chống tội phạm SHTT được xác định [44].

2.1.2 Quy định về thực thi quyền SHTT đối với KDCN trong liên minh châu Âu.

2.1.2.1 Tổng quan về thực thi quyền SHTT trong Liên minh Châu Âu:

Vấn đề thực thi quyền SHTT trong Liên minh Châu Âu có 4 Tổng vụ tham gia vào việc thực thi quyền SHTT. Bên cạnh đó, mỗi quốc gia lại có một hệ thống các cơ quan riêng biệt để đảm bảo hoạt động thực thi, bốn cơ quan của Liên minh Châu Âu bao gồm:

Tổng vụ thương mại, một trong những nhiệm vụ của Tổng vụ thương mại là nâng cao khả năng thực thi quyền SHTT tại các nước thứ 3, tức là các quốc gia ngoài liên minh Châu Âu.

Tổng vụ Thuế và liên minh Hải quan, có trách nhiệm xây dựng hệ thống pháp luật thực thi quyền SHTT trong khu vực Liên minh Châu Âu.

Tổng vụ tư pháp và an ninh nội địa, cơ quan này cũng tham gia vào quá trình thực thi quyền SHTT, tuy nhiên hiện tại vai trò của cơ quan này trong việc thực thi quyền SHTT cũng chưa thực sự rõ nét. Một trong những nhiệm vụ của cơ quan này là đề xuất các dự án luật của Liên minh Châu Âu. Cơ quan này là đơn vị đã đề xuất về việc xử lý hình sự đối với các xâm phạm ở phạm vi Châu Âu, thông thường việc xử lý hình sự đối với các vụ việc xâm phạm quyền SHTT thì thuộc về cơ quan chuyên môn của các nước thành viên.

Tổng vụ thị trường chung Châu Âu, có nhiệm vụ đề xuất các dự án luật nhằm đảm bảo cho thị trường chung Châu Âu có thể vận hành tốt, loại bỏ những rào cản đối với việc tự do lưu thông hàng hoá, dịch vụ và tự do đi lại trong thị trường chung Châu Âu. Trong Tổng vụ thị trường chung Châu Âu có một bộ phận phụ trách mảng về SHTT, trong đó có một nhóm nhỏ, phụ trách về vấn đề SHCN [27].

2.1.2.2 Thực thi quyền SHTT theo quy định của chỉ thị 2004/48/CE của Liên minh Châu Âu.

Để xây dựng cơ chế cho việc thực thi quyền SHTT tại Liên minh Châu Âu, Liên minh này đã ban hành chỉ thị số 2004/48/CE nhằm mục đích hạn chế tối đa sự khác biệt trong pháp luật của các quốc gia thành

viên về thực thi quyền SHTT. Bởi vì, tính đến thời điểm đó, pháp luật của các quốc gia thành viên về SHTT vẫn có nhiều sự khác biệt, sự khác biệt này sẽ gây khó khăn cho việc thực thi quyền SHTT trong khu vực thị trường chung Châu Âu.

2.1.3 Pháp luật và kinh nghiệm của Cộng hoà Pháp về thực thi quyền SHTT đối với KDCN

2.1.3.1 Khái quát về chính sách của Cộng hoà Pháp nhằm xây dựng hệ thống thực thi quyền SHTT hiệu quả:

Chính sách của Cộng hoà Pháp về xây dựng hệ thống thực thi quyền SHTT hiệu quả được xây dựng theo hai định hướng chủ đạo: *thứ nhất* là cải thiện khả năng tiếp cận quyền SHTT (Như khả năng tiếp cận văn bằng bảo hộ quyền SHTT của các doanh nghiệp vừa và nhỏ) và *thứ hai* là hoàn thiện việc thực thi quyền SHTT [23].

2.1.3.2 Cải thiện khả năng tiếp cận quyền SHTT:

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận quyền SHTT, đặc biệt là đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ, Cộng hoà Pháp tập trung vào những biện pháp sau đây:

Xây dựng khuôn khổ pháp luật thuận lợi: Các nước liên minh Châu Âu đã ký Hiệp ước Luân Đôn theo sáng kiến của Pháp.

Khuyến khích bằng biện pháp tài chính, cụ thể là giảm lệ phí đăng ký quyền SHTT cho doanh nghiệp, thành lập quỹ hỗ trợ cải tiến công nghệ.

Xây dựng cơ chế đánh giá miễn phí khả năng tiếp cận quyền SHTT tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tin học hoá và tự động hoá quy trình thủ tục.

2.1.3.3 Đấu tranh phòng chống hàng giả một cách hiệu quả:

Tăng cường hợp tác giữa Nhà nước với khu vực tư nhân (các doanh nghiệp). Pháp đã thành lập Ủy ban quốc gia về chống hàng giả (CNAC).

Tháng 6 năm 2004, Bộ trưởng Bộ kinh tế, tài chính đã đưa ra 11 biện pháp nhằm bổ sung và tăng cường kế hoạch hàng động nêu trên. Ý tưởng chung của 11 biện pháp này là tăng cường sự phối hợp hành động giữa các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đặc biệt là Hải quan và các thương vụ Pháp ở nước ngoài [23].

Về phương pháp cụ thể đấu tranh chống hàng giả quan điểm của Chính phủ Pháp là phải can thiệp về cả cung lẫn cầu. Cung chủ yếu là sản xuất hàng giả ở nước ngoài; cầu là việc mua, tiêu thụ hàng hoá giả mạo của người tiêu dùng đang cư trú tại Pháp cũng như khi họ đi ra nước ngoài.

2.2. Những kinh nghiệm rút ra đối với Việt Nam.

Hệ thống VBPL về thực thi quyền SHTT đã được sửa đổi nhưng vẫn chưa tương thích với thực tế thực thi quyền SHTT và ngược lại lực

lượng cán bộ thực thi quyền SHTT vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu để tiếp cận và thực thi các quy định của pháp luật.

Các cán bộ làm công tác thực thi quyền SHTT trong tất cả các ngành chưa được đào tạo bài bản các kiến thức về SHTT.

Việc đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ thực thi quyền SHTT đã được thực hiện nhưng còn manh mún, thiếu quy hoạch, thiếu một chương trình, một kịch bản chung cho toàn bộ hệ thống.

Về tổ chức, chưa có sự chỉ đạo chung với hoạt động thực thi quyền SHTT của Việt nam.

Trong từng ngành chưa có lực lượng chuyên trách thực thi quyền SHTT nên việc tổ chức, đào tạo về chuyên môn, trang bị về vật chất kỹ thuật không thể tập trung cho công tác này.

Quan điểm giải quyết tố cáo về thực thi quyền SHTT của các cơ quan thực thi trong nhiều trường hợp còn chưa nhất quán do nhiều nguyên nhân khác nhau.

Còn thiếu các giải pháp đồng bộ để thực thi quyền SHTT, ban hành văn bản, xây dựng lực lượng, tổ chức công tác thực thi, tuyên truyền phổ biến pháp luật...

Chưa có nghiên cứu khoa học nào làm cơ sở cho việc nên tổ chức hệ thống thực thi quyền SHTT như nào cho phù hợp và hoạt động hiệu quả.

Trong cơ chế hành chính, thẩm quyền được phân cho nhiều cơ quan.

2.3 Khả năng áp dụng kinh nghiệm quốc tế của Việt Nam

Khi phải tuân thủ Hiệp định TRIPS, các nhà làm luật đối mặt với áp lực lớn trong việc xây dựng hệ thống bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với Hiệp định. Áp lực này đã buộc các nhà làm luật phải tìm tòi, học hỏi từ hệ thống pháp luật của các nước trên thế giới nhằm đảm bảo tiến trình cam kết. Ngoài ra, WIPO thường xuyên có chính sách hỗ trợ về đào tạo, chuyên gia và kinh phí cho các hoạt động khuyến khích giáo dục, tăng cường hiệu quả thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ. Với sự trợ giúp tích cực đó, khả năng có thể tiếp cận, học hỏi, phổ biến những kinh nghiệm phù hợp là rất lớn. Bản thân các quốc gia cũng có mong muốn hỗ trợ Việt Nam vì nhiều mục đích khác nhau. Do đó, khi học hỏi kinh nghiệm của nước ngoài, nhất thiết phải sàng lọc để thu được những bài học thích hợp.

2.4 Một số bài học rút ra đối với Việt Nam trong quá trình xây dựng hệ thống pháp luật và thực thi quyền SHTT.

2.4.1 Xây dựng hệ thống pháp luật về thực thi quyền SHTT theo tiêu chuẩn tối thiểu của Hiệp định TRIPS;

Các quốc gia đều nỗ lực hoàn thiện (trước và kể cả sau khi gia nhập WTO) các văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ, đặc biệt là những quy định về đảm bảo thực thi quyền SHTT theo quy định của TRIPS.

2.4.2 Xây dựng cơ chế đảm bảo thực thi quyền sở hữu trí tuệ một cách hiệu quả;

Khi đã có luật, để đưa được Luật vào cuộc sống, các quốc gia trên thế giới đều thành lập các cơ quan chuyên trách thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, không chỉ riêng Việt Nam mà nhiều quốc gia khác cũng vấp phải sự yếu kém trong cưỡng chế thi hành luật. Có luật, có bộ máy thi hành nhưng vi phạm vẫn không vì thế mà thuyên giảm. Thực trạng này là tình hình chung ở các nước đang phát triển và chậm phát triển.

2.4.3 Xây dựng và củng cố lực lượng thực thi quyền SHTT;

Nâng cao năng lực của các cơ quan bảo hộ thực thi quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là cơ quan hải quan - ngành có vai trò cực kỳ quan trọng trong việc phát hiện và xử lý những vi phạm về sở hữu trí tuệ ở biên giới.

Nâng cao năng lực của lực lượng Quản lý thị trường, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tinh thần trách nhiệm, củng cố về số lượng đối với lực lượng Thanh tra khoa học & công nghệ, một trong những lực lượng nòng cốt góp phần đảm bảo thực thi quyền SHTT tại Việt Nam.

2.4.4 Thành lập toà chuyên trách về sở hữu trí tuệ, nâng cao năng lực của ngành Toà án;

Giải pháp của một số quốc gia đó là thành lập Toà án chuyên trách về SHTT, nhằm đảm bảo khả năng xét xử, đảm bảo tính chính xác và hiệu quả của việc xét xử các tranh chấp phát sinh liên quan đến SHTT. Việt Nam những năm gần đây cũng gặp phải những khó khăn lớn trong công tác xét xử của ngành Toà án, liên quan đến các vụ án về SHTT, để tháo gỡ tốt nhất và nhanh nhất tình trạng trên, trước mắt cũng như lâu dài, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập sâu rộng của nền kinh tế nước ta trong quá trình toàn cầu hóa, vai trò của hệ thống Tòa án ngày càng trở nên quan trọng như là một thiết chế đảm bảo các cam kết về SHTT của Việt Nam với các đối tác nước ngoài cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể quyền.

2.4.5 Đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển Sở hữu Trí tuệ, đầu tư cho việc xây dựng các lực lượng thực thi kế cận trong tương lai;

Đây được đánh giá là chiến lược phát triển lâu dài của nhiều nước trên thế giới, trong đó có Singapore, Việt Nam cũng cần phải nghiêm túc xem xét và đánh giá vấn đề này, để có những giải pháp hợp lý nhằm xây dựng cho được một chiến lược phát triển bền vững và hiệu quả, đầu tư phát triển tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp, Nhà nước.

2.4.6. Nâng cao nhận thức cộng đồng, nhận thức của doanh nghiệp, các hiệp hội, các tổ chức nghề nghiệp - giải pháp hữu hiệu nhằm thực thi, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Hiểu biết của cộng đồng, doanh nghiệp, nhận thức của xã hội nói chung về quyền SHTT là một trong những vấn đề quan trọng nhất, bởi nếu cộng đồng xã hội không tự nhận thức được về vấn đề quyền SHTT, doanh nghiệp không biết cách tự bảo vệ tài sản trí tuệ của mình, thì hoạt động xâm phạm, hành vi tiếp tay cho những kẻ xâm phạm quyền vẫn cứ diễn ra, trong khi các lực lượng thực thi quyền nỗ lực ngăn chặn, chống hàng giả, hàng xâm phạm quyền, thì một bộ phận công chúng, doanh nghiệp vẫn thờ ơ, xem nhẹ vấn đề xâm phạm quyền SHTT, coi đó là việc bình thường - “xưa nay vẫn như vậy”, thậm chí quen dùng hàng giả, hàng nhái bởi giá rẻ, hình thức bắt mắt..., nếu ý thức hệ này chưa thay đổi, thì hoạt động thực thi quyền SHTT ở Việt Nam sẽ còn gặp nhiều khó khăn. Sẽ khó để có thể xây dựng được một xã hội tôn trọng pháp luật, ở đó quyền SHTT được tôn trọng và bảo vệ.

CHƯƠNG 3

CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ THỰC THI QUYỀN SHTT ĐỐI VỚI KDCN, PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN VÀ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI QUYỀN

3.1 Các quy định của pháp luật Việt Nam về thực thi quyền SHTT đối với KDCN

3.1.1 Giai đoạn trước năm 2005:

Nghiên cứu quá trình hình thành và xây dựng pháp luật về SHTT nói chung và đối với KDCN nói riêng sẽ cho chúng ta có được cái nhìn chung về nhận thức và sự quan tâm, tầm quan trọng của pháp luật về SHTT đối với đời sống xã hội. Khi đánh giá thực trạng xây dựng văn bản pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với KDCN với ý nghĩa là một bộ phận không thể tách rời trong các hoạt động của Nhà nước nhằm xây dựng hệ thống bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, không thể không nhìn ngược về lịch sử hình thành các quy định về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam trong thời kỳ Pháp thuộc, trong thời kỳ đổi mới và thời điểm hiện nay.

3.1.2 Giai đoạn từ năm 2005 đến nay.

Để gia nhập WTO, Việt Nam đã xây dựng và vận hành một hệ thống bảo hộ quyền SHTT quốc gia theo chuẩn mực của Hiệp định TRIPS (Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (*Agreement on trade - Related aspects of ipr - Trips*)). Theo yêu cầu của Hiệp định TRIPS, mỗi quốc gia thành viên phải dành sự bảo hộ quyền SHTT một cách đầy đủ và hữu hiệu cho công dân của các thành viên WTO khác theo nguyên tắc đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc.

Việt Nam đã cam kết tuân thủ đầy đủ mọi quy định của Hiệp định TRIPS ngay từ ngày gia nhập WTO (11/01/2007) mà không có thời hạn chuyển tiếp.

Hệ thống pháp luật về SHTT của Việt Nam đã được cộng đồng quốc tế đánh giá là đáp ứng đủ các quy định của WTO. Đây thực sự là một nỗ lực đáng kể của chúng ta trong quá trình đàm phán gia nhập WTO.

3.2 Thực tiễn hoạt động thực thi quyền SHTT đối với KDCN ở Việt Nam những năm qua:

3.2.1 Thực trạng công tác thực thi quyền SHTT đối với KDCN ở Việt Nam những năm qua:

Thực tế hoạt động thực thi quyền SHTT của các cơ quan thực thi tại Việt Nam trong một số năm trở lại đây:

3.2.1.1 Lực lượng Quản lý thị trường;

Lực lượng Quản lý thị trường được thành lập để nhằm kiểm tra, kiểm soát thị trường, đấu tranh chống các vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại ở thị trường trong nước.

3.2.1.2 Hoạt động thực thi quyền SHTT của cơ quan Thanh tra khoa học và công nghệ.

Hệ thống cơ quan Thanh tra khoa học và công nghệ gồm, Thanh tra của Bộ khoa học và công nghệ và Thanh tra của 63 tỉnh thành trong cả nước, Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ, trong đó có hoạt động xâm phạm quyền SHTT

3.2.1.3 Hoạt động thực thi quyền của lực lượng Hải quan;

Luật SHTT đã quy định những căn cứ cụ thể về quyền và trách nhiệm của cơ quan Hải quan trong việc áp dụng các biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu và nhập khẩu liên quan đến SHTT, các quy tắc và điều kiện tạm dừng làm thủ tục Hải quan để thực thi bảo vệ quyền SHTT là những cơ sở pháp lý quan trọng đảm bảo cho cơ quan Hải quan trong việc thực thi bảo vệ quyền SHTT.

3.2.1.4 Hoạt động thực thi quyền SHTT tại Tòa án nhân dân.

Toà án nhân dân với chức năng là cơ quan xét xử các hành vi xâm phạm quyền SHTT, trong những năm qua, ngành Toà án đã tiếp nhận và xử lý một số các vụ việc liên quan đến quyền SHTT. Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, việc giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ từ năm 2000 đến năm 2005 (giai đoạn trước khi có Luật Sở hữu trí tuệ) của toàn ngành Tòa án như sau: thụ lý 93 vụ án, đã giải quyết 61 vụ án, trong đó: đình chỉ, tạm đình chỉ là 16 vụ án; hòa giải thành 12 vụ án; đưa ra xét xử 33 vụ án (bao gồm 11 vụ án tranh chấp

quyền tác giả và quyền liên quan, 22 vụ án tranh chấp về quyền sở hữu công nghiệp) [35].

3.2.2 Các biện pháp thực thi quyền SHTT đối với KDCN ở Việt nam hiện nay.

Khi hành vi xâm phạm quyền đối với KDCN xảy ra, các biện pháp sau đây sẽ được sử dụng để bảo vệ quyền cho chủ sở hữu, bao gồm:

3.2.2.1 Biện pháp dân sự;

3.2.2.2 Thực thi bằng biện pháp hành chính;

3.2.2.3 Thực thi bằng biện pháp hình sự;

3.2.2.4 Thực thi bằng biện pháp kiểm soát biên giới;

3.2.3 Mối quan hệ giữa các biện pháp thực thi quyền SHTT;

3.2.3.1 Mối quan hệ giữa biện pháp dân sự với biện pháp hành chính, biện pháp hình sự và biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất, nhập khẩu liên quan đến SHTT:

3.2.3.2 Mối quan hệ giữa biện pháp hành chính với biện pháp hình sự và biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến SHTT;

3.2.3.3 Mối quan hệ giữa biện pháp kiểm soát hàng hoá, xuất nhập khẩu liên quan đến SHTT và biện pháp hình sự.

3.2.4 Những khó khăn và thách thức đối với công tác thực thi quyền SHTT đối với KDCN ở Việt Nam hiện nay :

3.2.4.1 Những hạn chế trong thực tiễn thực thi quyền SHTT của một số cơ quan thực thi quyền tại Việt Nam những năm qua.

a) Đối với Cơ quan Quản lý thị trường:

Thứ nhất: Về năng lực thực thi:

Thứ hai: Về phát triển nguồn lực,

Thứ ba: Về nhận thức của người tiêu dùng, doanh nghiệp và các cơ quan quản lý

Thứ tư: về điều kiện kinh tế xã hội,

b) Đối với Thanh tra khoa học và công nghệ:

Thứ nhất: Các quy định của pháp luật

Thứ hai: đối với việc xây dựng lực lượng,

Thứ ba: về kiến thức chuyên môn và trình độ hiểu biết về SHTT,

Thứ tư: Thiếu một cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan thực thi

c) Đối với Cơ quan Hải quan:

Thứ nhất: Cơ sở pháp lý của việc thực thi,

Thứ hai: Về công tác thực thi,

d) Đối với Cơ quan Toà Án:

Thứ nhất: Thời gian giải quyết kéo dài,

Thứ hai: Thiếu các biện pháp khẩn cấp tạm thời hữu hiệu,

Thứ ba: Năng lực giải quyết các vụ án về quyền SHTT chưa đáp ứng được yêu cầu,

Thứ tư: Khó khăn trong việc xác định thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền SHTT

3.2.4.2 Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế trong việc thực thi quyền của các cơ quan chức năng hiện nay:

Thứ nhất: Cơ chế bảo đảm thực thi chưa được hoàn thiện và chưa phát huy đúng mức.

Thứ hai: Cách tổ chức bảo đảm thực thi chưa thực sự phù hợp:

Thứ ba: Sự hiểu biết của toàn xã hội đối với vấn đề bảo hộ và thực thi quyền SHTT nói chung còn hạn chế, chưa hình thành thói quen tôn trọng quyền SHTT, các chủ thể chưa chủ động trong việc bảo vệ tài sản trí tuệ của mình, mà còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước.

Thứ tư: Ảnh hưởng của mặt trái của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế:

3.3 Phương hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thực thi quyền SHTT đối với KDCN và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi quyền SHTT.

3.3.1 Phương hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thực thi quyền SHTT đối với KDCN.

Tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và xử lý vi phạm sở hữu trí tuệ cho phù hợp, đáp ứng được các yêu cầu thực tế hiện nay, trong đó:

Đối với pháp luật dân sự, pháp luật chuyên ngành về sở hữu trí tuệ,

Đối với pháp luật hình sự và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính,

Đối với biện pháp hình sự,

3.3.2 Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi quyền SHTT đối với KDCN.

3.3.2.1 Nhóm giải pháp từ phía các cơ quan thực thi quyền SHTT;

Thứ nhất: Xây dựng chiến lược quốc gia về SHTT và thực thi quyền SHTT;

Hiện tại, Việt Nam vẫn chưa có chương trình hành động thống nhất ở phạm vi quốc gia về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Mỗi gắn kết lỏng lẻo giữa các cơ quan thực thi thuộc các bộ ngành khác nhau, các địa phương khác nhau là một trong các nguyên nhân cản trở quá trình xây dựng pháp luật cũng như thi hành pháp luật về thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam cũng cần thiết xây dựng chiến lược quốc gia về SHTT, trong đó xây dựng các bước đi phù hợp và hiệu quả

với điều kiện, hoàn cảnh của Việt Nam. Chính phủ cần đưa ra chương trình hành động quốc gia cụ thể trong từng năm cho hoạt động bảo hộ và thực thi quyền.

Thứ hai: Nâng cao năng lực chuyên môn về sở hữu trí tuệ cho cán bộ của các cơ quan quản lý và xét xử của nhà nước;

Việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thực thi quyền sở hữu trí tuệ là yêu cầu bức thiết. Cần phải nghiên cứu, xây dựng các bài giảng về kiến thức chung về sở hữu trí tuệ cho các lực lượng thực thi. Các bài giảng này nhằm nâng cao hiểu biết của các lực lượng về sở hữu trí tuệ. Đặc biệt hiểu biết các khái niệm, quá trình xác lập quyền sở hữu trí tuệ.

Ưu tiên đào tạo cán bộ hải quan. Cán bộ hải quan là những người phải đối mặt thường xuyên với những hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ngày một tinh vi và có tổ chức.

Đối với ngành Tòa án, tiếp tục hoàn thiện pháp luật về tố tụng đối với việc giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, nhằm tạo ra cơ chế giải quyết thuận lợi, nhanh chóng và bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ. Cần nâng cao vai trò của việc giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp dân sự, vì quyền sở hữu trí tuệ là chế định pháp luật dân sự, thuộc quan hệ pháp luật dân sự.

Thành lập toà án chuyên trách về SHTT, nhằm tạo ra một hệ thống xét xử riêng, có đủ trình độ, kỹ năng chuyên môn để giải quyết kịp thời, chính xác và thoả đáng các vụ việc vi phạm về SHTT.

Thứ ba: Tăng cường lực lượng thực thi;

Cần tăng cường năng lực cho các cơ quan thực thi về con người và cơ sở vật chất. Cần có chương trình huấn luyện cán bộ đầu mối về thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại các cơ quan thực thi ở trung ương và địa phương.

Bên cạnh sự nỗ lực của các cơ quan nhà nước, cần có chương trình trợ giúp các Chủ thể quyền là các tổng công ty, doanh nghiệp lớn thành lập bộ phận theo dõi phòng chống xâm phạm quyền và hàng giả và hợp tác chặt chẽ với các cơ quan thực thi quyền trong phát hiện và xử lý hành vi xâm phạm quyền.

Tương tự, cần trợ giúp các hiệp hội ngành nghề thành lập bộ phận hoặc đầu mối liên lạc về chống hàng giả, chống xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp để tư vấn cho các thành viên về chiến lược, kỹ năng chống hàng giả và xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp. Ngoài ra, cần xây dựng kế hoạch tăng cường lực lượng luật sư, người đại diện sở hữu trí tuệ, tổ chức giám định sở hữu trí tuệ để trợ giúp chuyên môn, pháp luật cho các doanh nghiệp cũng như hệ thống cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

Thứ tư: phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan hành chính, xét xử và cơ quan chuyên môn;

Chia sẻ thông tin giữa các cơ quan bảo hộ thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Việc chia sẻ thông tin không chỉ ở các cơ quan trung ương mà còn cần ở các địa phương. Các sở, ngành phải thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu về pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ, các thông tin về giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, kết quả giải quyết của các cơ quan.

Thứ năm: Nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan giám định Sở hữu Trí tuệ;

Từ khi thành lập, cơ quan này đã thể hiện vai trò ngày càng quan trọng trong việc xử lý các tranh chấp, các hành vi xâm phạm về quyền SHTT, bởi vậy, xét thấy cần phát huy, mở rộng hơn nữa hoạt động của cơ quan này, nâng cao năng lực chuyên môn của mỗi cán bộ thực thi, các cơ quan bảo hộ và thực thi quyền SHTT cần có ý kiến tham mưu của cơ quan này, thay vì Cục Sở hữu trí tuệ như trước đây, tránh tình trạng rụt rè trong việc giải quyết các hành vi xâm phạm quyền.

Thứ sáu: Tiếp tục tận dụng các hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế;

Để thực hiện đầy đủ cam kết về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định TRIPS, Việt Nam rất cần sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế. Các cơ quan bảo hộ thực thi của Việt Nam yếu về cả nhân lực và vật lực cũng như kinh nghiệm thực thi đạt tính “hiệu quả” theo yêu cầu của Hiệp định và vẫn bảo vệ lợi ích quốc gia.

Thứ bảy: Đào tạo nguồn nhân lực tương lai (Nguồn nhân lực thay thế) về sở hữu trí tuệ cho các cơ quan bảo hộ, thực thi;

Sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đang đặt ra những nhiệm vụ hết sức nặng nề cho công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nguồn nhân lực về cán bộ sở hữu trí tuệ.

Đưa sở hữu trí tuệ vào nội dung giảng dạy tại các trường đại học thuộc các khối ngành khác nhau với thời lượng tương xứng với tầm quan trọng của nó hiện nay là một yêu cầu cấp thiết.

3.3.2.2 Nhóm giải pháp từ phía chủ sở hữu quyền là các cá nhân, tổ chức;

Thứ nhất: Tiếp tục đổi mới nhận thức của chủ sở hữu quyền SHTT về vấn đề bảo hộ;

Các chủ sở hữu quyền cần tích cực tham gia các lớp đào tạo, các cuộc hội thảo trong nước và quốc tế về các vấn đề sở hữu trí tuệ nhằm cập nhật thông tin và kiến thức về sở hữu trí tuệ cũng như bảo hộ sở hữu trí tuệ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay.

Tuyên truyền sâu rộng về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của mình trong phạm vi doanh nghiệp. Thành lập bộ phận chuyên trách về sở hữu trí tuệ đối với chủ sở hữu quyền là doanh nghiệp.

Thứ hai: Nhanh chóng xác lập quyền sở hữu đối với các tài sản trí tuệ của mình;

Khi sáng tạo tài sản trí tuệ, chủ sở hữu quyền phải chủ động và nhanh chóng đăng ký xác lập quyền sở hữu. Việc xác lập quyền sở hữu phải được thực hiện đồng thời ở trong nước và quốc tế đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp.

Thứ ba: Hợp tác với các cơ quan bảo hộ thực thi quyền trong xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

Hiệu quả bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ sẽ không thể đảm bảo nếu bản thân các chủ sở hữu quyền bất hợp tác với cơ quan bảo hộ thực thi quyền hoặc thờ ơ với các hành vi xâm phạm.

3.3.2.3 Nhóm giải pháp từ phía cộng đồng xã hội, các tổ chức trợ giúp thực thi quyền SHTT.

Để việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ phía cộng đồng có hiệu quả, cần phải xây dựng một cộng đồng có “văn hoá sở hữu trí tuệ”. Xây dựng một cộng đồng “văn hoá sở hữu trí tuệ” là xây dựng một ý thức hệ về quyền sở hữu trí tuệ, là tạo ra cách sống và quan điểm đúng và đủ về quyền sở hữu trí tuệ trong phạm vi toàn xã hội.

Thứ nhất: Đào tạo về sở hữu trí tuệ ở mọi cấp trong hệ thống giáo dục ở Việt Nam;

Theo kinh nghiệm, giáo dục về sở hữu trí tuệ được đưa vào từ mẫu giáo đến đại học, giáo trình, tài liệu giảng dạy sẽ được thiết kế phù hợp với nhận thức của từng bậc học, hoặc chuyên môn của người học.

Thứ hai: Tăng cường vai trò của các tổ chức dịch vụ Đại diện SHTT và các tổ chức Giám định giám định SHTT:

Từ thực tiễn hoạt động bảo vệ và thực thi quyền SHTT cho thấy, đây là hai tổ chức trung gian tham gia rất tích cực và hỗ trợ hiệu quả cho Chủ thể quyền và các cơ quan thực thi, trong việc đảm bảo tính hiệu quả, tính hợp pháp, kịp thời và tránh lãng phí thời gian cũng như tiền bạc của Chủ thể yêu cầu thực thi quyền. Không thể phủ nhận vai trò của các tổ chức này đối với quá trình thực thi quyền, bởi vậy cần thiết phải có những hoạt động tích cực trong việc khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức này phát huy vai trò, góp phần hỗ trợ và định hướng cho quá trình thực thi của Chủ thể quyền.

Thứ ba: Tuyên truyền về sở hữu trí tuệ tới đông đảo dân cư;

Cần tận dụng tối đa các phương tiện thông tin đại chúng trong việc phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ tới người dân. Thường xuyên đưa các bản tin về tình hình vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trên mọi phương tiện, đặc biệt là bản tin truyền hình, truyền thanh.

Phát huy vai trò của cán bộ địa phương trong công tác tuyên truyền, đặc biệt là ở những địa phương ở vùng xa, vùng sát biên giới, thậm chí việc sử dụng yếu tố văn hoá, tập tục bản địa để làm công cụ truyền đạt về SHTT cũng sẽ được tính đến và áp dụng. Đây là những người gần với dân nhất và hiểu rõ nhất phương thức truyền đạt nào là phù hợp nhất với địa phương mình.

KẾT LUẬN

Luận văn được kết cấu gồm 3 chương chính đã phân nào thể hiện được những nét cơ bản về vấn đề Thực thi quyền SHTT đối với KDCN ở Việt Nam ở thời điểm hiện nay. Từ khi gia nhập sân chơi chung WTO, những yêu cầu về đảm bảo thực thi quyền SHTT trở thành yếu tố bắt buộc đối với Việt Nam.

Việc đảm bảo thực thi quyền SHTT đối với KDCN ở Việt Nam hiện nay, được thực hiện dựa trên những căn cứ Pháp lý là hệ thống pháp luật trong nước và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Để giúp hoạt động thực thi quyền SHTT đối với KDCN ở Việt Nam trong thời gian tới được hiệu quả hơn, một mặt Luận văn đã nghiên cứu các quy định của Pháp luật trong Nước về SHTT, mặt khác cũng tham khảo một số kinh nghiệm từ các quốc gia khác trên thế giới, và Pháp luật quốc tế, để qua đó có được cái nhìn tổng hợp, đánh giá đúng đắn về những điểm mạnh, điểm hạn chế của Việt Nam về thực thi quyền SHTT, qua đó nêu lên những giải pháp cụ thể nhằm khắc phục những hạn chế, yếu kém, phát huy những điểm mạnh, nhằm tạo được hiệu quả thực thi quyền SHTT cao nhất trong thời gian tới.